

ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI CHIM Ở TỈNH CÀ MAU

Trần Thanh Lâm
Trưởng Đại học Bạc Liêu

Cà Mau là một trong hai tỉnh ở Việt Nam có cả Khu dự trữ sinh quyển thế giới (được công nhận năm 2009) và Khu Ramsar (được công nhận năm 2012). Bên cạnh đó, Cà Mau còn có bờ biển dài 254 km (Lê Thông, 2006) là nơi cung cấp thức ăn cho các loài chim nước. Tuy nhiên, từ sau khi tái lập tỉnh đến nay chỉ có một nghiên cứu của Đặng Trung Tấn (1998) về đa dạng chim tại các vườn chim trên địa bàn toàn tỉnh và công trình nghiên cứu của Lê Đình Thủy và cs (2007) về thành phần chim ở VQG Mũi Cà Mau. Do đó, việc khảo sát lại hiện trạng các vườn chim và thành phần loài trên phạm vi toàn tỉnh để biết được sự biến động của chúng là thật sự cần thiết, đặc biệt là sau khi được công nhận là Khu Ramsar của thế giới.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm nghiên cứu: 18 vườn chim, Vườn Quốc gia (VQG) U Minh Hạ và dọc theo bãi triều thuộc VQG Mũi Cà Mau trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Bảng 1). Theo khảo sát của Đặng Trung Tấn (1998), thì Cà Mau có 19 vườn chim, bãi đậu, hiện nay chỉ còn 18 vườn chim, vườn chim Tân Duyệt, Đầm Dơi đã bị xóa sổ.

Bảng 1

Các vườn chim trên địa bàn tỉnh Cà Mau

TT	Tên vườn chim/ chủ vườn chim	Diện tích (ha)	Địa chỉ
1	Công viên văn hóa Cà Mau	2,93	Phường 1, Thành phố Cà Mau
2	Ông Nguyễn Văn Chiến	8,7	Duyên Hải, Tân Ân Tây, Ngọc Hiển
3	Ông Quách Văn Ngải	8,72	Cầu Mũi, Đất Mũi, Ngọc Hiển
4	Ông Nguyễn Ty Tóp	8,01	Vịnh Nước Sôi, Viên An, Ngọc Hiển
5	Ông Lê Hoàng Na	22,8	Khóm 9, TT. Năm Căn, Năm Căn
6	Ông Nguyễn Nil	6,15	Hiệp Tùng, Hiệp Tùng, Năm Căn
7	Ông Trương Thanh Phong	5,2	Hiệp Tùng, Hiệp Tùng, Năm Căn.
8	Ông Văn Lương	2,0	Rạch Chèo, Rạch Chèo, Phú Tân
9	Ông Trần Văn Dế	3,59	Sào Lưới Đông, Việt Khái, Phú Tân
10	Vườn chim Chà Là	15,3	Tân Phong, Đông Hưng, Cái Nước
11	Ông Trương Văn Lắm	8,4	Thuận Hòa B, Tân Thuận Đầm Dơi
12	Vườn chim Đầm Dơi	135	Tân Hiệp, Tân Dân, Đầm Dơi
13	Ông Tạ Tấn Minh	7,8	Khóm 3, TT. Đầm Dơi, Đầm Dơi.
14	Phân trường Sông Trẹm	1,5	Ấp 17, Khánh Thuận, U Minh
15	Ông Năm Quốc	30,17	Ấp 12, Khánh Thuận, U Minh
16	Ông Lê Văn Thu	3,4	Cái Bát, Hồ Thị Kỷ, Thới Bình
17	Ông Trương Minh Thắng	4,43	Quyền Thị, Biển Bạch Đông, Thới Bình
18	Ông Lê Thanh Khiết	16,18	Khóm 9, TT. Sông Đốc, Trần Văn Thời
	Tổng diện tích:	290,28	

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 3/2016 đến tháng 12/2016.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp kế thừa: Tập hợp kế thừa các tài liệu khoa học đã có trước đây về điều tra các sân chim, vườn chim, thảm thực vật trên cả 2 hệ sinh thái rừng ngập mặn và rừng tràm. Theo Hoàng Cương (1993), chỉ riêng vườn chim Chà Là (huyện Cái Nước) đã có 113 loài thuộc 31 họ. Đến năm 1998, công trình nghiên cứu của Đặng Trung Tấn ghi nhận được 60 loài, thuộc 24 họ phân bố ở 19 vườn chim, bãi đậu trong tỉnh Cà Mau. Công trình nghiên cứu của Lê Đình Thủy và cs (2007) đã khảo sát được 85 loài thuộc 33 họ tại VQG Mũi Cà Mau.

Phương pháp nghiên cứu ngoài thực địa: Điều tra, nghiên cứu chim theo phương pháp được sử dụng theo nghiên cứu của tác giả Colin, Bibby và cs. (2000). Các vườn chim có diện tích nhỏ hơn 5 ha thì khảo sát hết vườn chim, các vườn chim lớn hơn thì khảo sát theo tuyến.

Định loại các loài chim có tham khảo hình vẽ và mô tả trong các tài liệu của Võ Quý (1975, 1981), Nguyễn Cử và cs. (2000), Lê Mạnh Hùng (2012).

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Đa dạng thành phần loài

Qua điều tra khảo sát thực địa và kế thừa các tài liệu đã được công bố, đã ghi nhận được 106 loài chim, thuộc 34 họ ở khu vực nghiên cứu. Xem bảng 2.

Thành phần loài chim tại các vườn chim này cơ bản gần giống nhau, bao gồm các loài cò; vạc; công cộc chiếm ưu thế và các loài thuộc họ gà nước. Tại vùng bãi triều thuộc Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau và 2 cồn ở cửa sông Cửa Lớn thành phần loài chim đa dạng hơn, có cả những loài chim di cư.

Bảng 2

Danh sách thành phần loài chim ghi nhận được ở tỉnh Cà Mau

TT	TÊN KHOA HỌC	TÊN ĐỊA PHƯƠNG
	1. Pelecanidae	Họ Bồ Nông
1	<i>Pelecanus phillipensis</i> Gmelin, 1789	Bồ nông chân xám
	2. Anhingidae	Họ Cổ Rắn
2	<i>Anhinga melanogaster</i> Pennant, 1769	Điêng điêng (Cổ rắn)
	3. Phalacrocoracidae	Họ Cốc
3	<i>Phalacrocorax fuscicollis</i> Stephens, 1826	Cốc đế nhỏ (Bạc má)
4	<i>Phalacrocorax niger</i> Vieillot, 1817	Công cộc (Cốc đen)
	4. Ardeidae	Họ Diệc
5	<i>Nycticorax nycticorax</i> Linnaeus, 1758	Vạc
6	<i>Bubulcus ibis</i> Linnaeus, 1758	Cò ruồi
7	<i>Egretta sacra</i> Gmelin, 1789	Cò đen
8	<i>Egretta garzetta</i> Linnaeus, 1766	Cò ngàng nhỏ (Cò trắng)
9	<i>Egretta intermedia</i> Wagler, 1827	Cò ngàng nhỏ
10	<i>Egretta alba</i> Linnaeus, 1758	Cò ngàng lớn
11	<i>Egretta eulophotes</i> Swinhoe, 1860	Cò trắng trung quốc
12	<i>Ardeola bacchus</i> Bonaparte, 1855	Cò bợ
13	<i>Ardeola speciosa</i> Horsfield, 1821	Cò bợ Mã Lai
14	<i>Ardea cinerea</i> Linnaeus, 1758	Diệc xám
15	<i>Ardea purpurea</i> Linnaeus, 1766	Diệc lửa
16	<i>Ixobrychus sinensis</i> Gmelin, 1789	Cò lửa lùn

17	<i>Ixobrychus cinnamomeus</i> Gmelin, 1789	Cò lừa
18	<i>Butorides striatus</i> Linnaeus, 1758	Cò xanh
19	<i>Dupetor flavicollis</i> Latham, 1790	Cò hương
	5. Ciconiidae	Họ Hạc
20	<i>Mycteria leucocephalus</i> Pennant, 1769	Cò lạo Ấn Độ - Giang sen
21	<i>Leptoptilos javanicus</i> Horsfield, 1821	Già đay java
	6. Anatidae	Họ Vịt
22	<i>Anas poecilorhyncha</i> Forster, 1781	Vịt trời
23	<i>Dendrocygna javanica</i> Horsfield, 1821	Le nâu
	7. Threskiornithidae	Họ Cò Quăm
24	<i>Threskiornis melanocephalus</i> Latham, 1790	Quăm đầu đen
	8. Falconidae	Họ Cắt
25	<i>Elanus caeruleus</i> Desfontaines, 1789 (<i>Elanus axillaris</i>)	Điều trắng
26	<i>Pandion haliaetus</i> Linnaeus, 1758	Ó cá - Ó biển
27	<i>Haliastur indus</i> Boddaert, 1783	Điều lửa
28	<i>Spilornis cheela</i> Latham, 1790	Điều hoa
	9. Rallidae	Họ Gà Nước
29	<i>Amaurornis phoenicurus</i> Pennant, 1769	Cuốc ngực trắng
30	<i>Gallicrex cinerea</i> Gmelin, 1789	Gà đồng - Cúm nùm
31	<i>Gallirallus striatus</i> Linnaeus, 1766 (<i>Rallus striatus</i>)	Gà nước vằn, Chàng nghịch
32	<i>Rallina fasciata</i> Raffles, 1822	Gà nước họng nâu, Ốc cao
33	<i>Porphyrio porphyrio</i> Linnaeus, 1758	Xít - Trích cỏ
34	<i>Gallinula chloropus</i> Lannaenus, 1758	Kịch
35	<i>Fulica atra</i> Lannaenus, 1758	Sâm cầm
	10. Jacanidae	Họ Gà Lôi Nước
36	<i>Hydrophasianus chirurgus</i> Scopoli, 1786	Gà lôi nước
37	<i>Metopidius indicus</i> Latham, 1790	Gà lôi nước ấn độ
	11. Scolopacidae	Họ Rẽ
38	<i>Numenius phaeopus</i> Linnaeus, 1758	Choắt mỏ cong bé
39	<i>Numenius arquata</i> Linnaeus, 1758	Choắt mỏ cong lớn
40	<i>Tringa ochropus</i> Linnaeus, 1758	Choắt bụng trắng
41	<i>Tringa totanus</i> Linnaeus, 1758	Choắt nâu
42	<i>Tringa erythropus</i> Pallas, 1764	Choắt chân đỏ
43	<i>Tringa nebularia</i> Gunnerus, 1767	Choắt lớn
44	<i>Tringa stagnatilis</i> Bechstein, 1803	Choắt đốm đen
45	<i>Tringa glareola</i> Linnaeus, 1758	Choắt bụng xám
46	<i>Limicola falcinellus</i> Pontoppidan, 1763	Rẽ mỏ rộng
47	<i>Calidris alba</i> Pallas, 1764	Rẽ cổ xám
48	<i>Calidris canutus</i> Linnaeus, 1758	Rẽ lưng nâu
49	<i>Limosa limosa</i> Linnaeus, 1758	Choắt mỏ thẳng đuôi đen
50	<i>Xenus cinereus</i> Guldenstadt, 1774	Choắt chân màng bé
	12. Recurvirostridae	Họ Cà Kheo
51	<i>Himantopus himantopus</i> Linnaeus, 1758	Cà kheo
	13. Vanellidae	Họ Te Te
52	<i>Vanellus indicus</i> Boddaert, 1783	Te vẹt
	14. Ploceidae	Họ Sẻ

53	<i>Ploceus philippinus</i> Linnaeus, 1766	Rồng rộc
54	<i>Ploceus hypoxanthus</i> Sparman, 1788	Rồng rộc vàng
	15. Passeridae	Họ Sẻ Nhà
55	<i>Passer domesticus</i> Linnaeus, 1758	Sẻ nhà
56	<i>Passer montanus</i> Linnaeus, 1758	Sẻ
	16. Alcedinidae	Họ Bói Cá
57	<i>Pelargopsis capensis</i> Linnaeus, 1766	Sả mỏ rộng
58	<i>Ceyx erithaca</i> Linnaeus, 1758	Bồng chanh đỏ
59	<i>Alcedo atthis</i> Linnaeus, 1758	Bồng chanh
60	<i>Halcyon pileata</i> Boddaert, 1783	Sả đầu đen
61	<i>Halcyon chloris</i> Boddaert, 1783 (<i>Todiramphus chloris</i>)	Sả khoang cổ
62	<i>Halcyon coromando coromando</i> Latham, 1790	Sả hung
	17. Cuculidae	Họ Cu Cu
63	<i>Eudynamys scolopacea</i> Linnaeus, 1758	Tu hú
64	<i>Rhopodytes tristis</i> Lesson, 1830	Phước
65	<i>Centropus sinensis</i> Stephens, 1815	Bìm bịp lớn
66	<i>Centropus bengalensis</i> Gmelin, 1788	Bìm bịp nhỏ
	18. Corvidae	Họ Quạ
67	<i>Corvus macrorhynchos</i> Wagler, 1827	Quạ đen
68	<i>Crypsirina temia</i> Daudin, 1800	Chim khách
	19. Columbidae	Họ Bồ Câu
69	<i>Streptopelia orientalis</i> Latham, 1790	Cu sen
70	<i>Streptopelia tranquebarica</i> Hermann, 1804	Cu ngói
71	<i>Streptopelia chinensis</i> Scopoli, 1786	Cu gáy
72	<i>Treron vernans</i> Linnaeus, 1771	Cu xanh đầu xám
	20. Meropidae	Họ Trâu
73	<i>Merops orientalis</i> Latham, 1802	Trâu đầu hung
74	<i>Merops viridis</i> Linnaeus, 1758	Trâu họng xanh
75	<i>Merops leschenaulti</i> Vieillot, 1817	Trâu họng vàng
76	<i>Merops philippinus</i> Linnaeus, 1766	Trâu ngực nâu
	21. Sturnidae	Họ Sáo
77	<i>Acridotheres grandis</i> Moore, 1858	Sáo mỏ vàng
78	<i>Acridotheres tristis</i> Linnaeus, 1766	Sáo nâu
79	<i>Acridotheres cristatellus</i> Linnaeus, 1766	Sáo mỏ ngà
80	<i>Sturnus nigricollis</i> Paykull, 1807	Sáo sậu
	22. Tytonidae	Họ Cú Lợn
81	<i>Tyto longimembris</i> Jerdon, 1839	Cú lợn lưng nâu
	23. Stringidae	Họ Cú Mèo
82	<i>Otus letia</i> Pennant, 1769	Cú mèo khoang cổ
83	<i>Glaucidium cuculoides</i> Vigors, 1831	Cú vọ
	24. Caprimulgidae	HỌ CÚ MUỖI
84	<i>Caprimulgus macrurus</i> Hordfield, 1821	Cú muỗi đuôi dài
	25. Hirundinidae	Họ Nhạn
85	<i>Hirundo rustica</i> Linnaeus, 1758	Nhạn bụng trắng
86	<i>Cecropis striolata</i> Temminck & Schlegel, 1847	Nhạn bụng vàng

	26. Motacillidae	Họ Chìa Vôi
87	<i>Anthus rufulus</i> Vieillot, 1818	Chim manh họng trắng
88	<i>Motacilla alba leucopsis</i> Linnaeus, 1758	Chìa vôi trắng
89	<i>Motacilla flava</i> Linnaeus, 1758	Chìa vôi vàng
	27. Picidae	Họ Gõ Kiến
90	<i>Dendrocopos canicapillus</i> Blyth, 1845	Gõ kiến nhỏ đầu xám
91	<i>Picus chlorolophus</i> Vieillot, 1818	Gõ kiến xanh cánh đỏ
92	<i>Blythipicus pyrrhotis</i> Hodgson, 1837	Gõ kiến nâu cổ đỏ
93	<i>Picus vittatus</i> Vieillot, 1818	Gõ kiến xanh bụng vàng
	28. Rhipiduridae	Họ Rẻ Quạt
94	<i>Rhipidura albicollis</i> Vieillot, 1818	Rẻ quạt họng trắng
95	<i>Rhipidura javanica</i> Sparrman, 1788	Rẻ quạt java
	29. Campephagidae	Họ Phường Chèo
96	<i>Tephrodornis gularis</i> Raffles, 1822	Phường chèo nâu
97	<i>Hemipus picatus</i> Sykes, 1832	Phường chèo đen
	30. Timaliidae	Họ Khướu
98	<i>Stachyris nigriceps</i> Blyth, 1844	Khướu bụi đầu đen
99	<i>Macronus gularis</i> Horsfield, 1822	Chích chạch má vàng
	31. Nectariniidae	Họ Hút Mật
100	<i>Anthreptes malacensis</i> Scopoli, 1786	Hút mật họng nâu
101	<i>Hypogramma hypogrammicum</i> Müller, 1843	Hút mật bụng vạch
102	<i>Arachnothera longirostra</i> Latham, 1790	Bấp chuối mỏ dài
	32. Dicruridae	Họ Chèo Bẻo
103	<i>Dicrurus macrocercus</i> Vieillot, 1817	Chèo bẻo
	33. Dicaeidae	Họ Chim Sâu
104	<i>Dicaeum agile</i> Tickell, 1833	Chim sâu mỏ lớn
105	<i>Dicaeum chrysorrheum</i> Temminck & Laugier, 1829	Chim sâu bụng vạch
	34. Cisticolidae	Họ Chiền Chiện
106	<i>Orthotomus ruficeps</i> Lesson, 1830	Chích bông nâu

Thành phần loài chim ở các họ có sự khác biệt, so sánh sự đa dạng về thành phần loài trong các họ cho thấy: họ Diệc có số loài nhiều nhất với 15 loài (chiếm 14,15% tổng số loài ghi nhận được ở khu vực nghiên cứu), tiếp đến là họ Rẻ với 13 loài (chiếm 12,26%), họ Gà nước có 7 loài (chiếm 6,6%), họ Bói cá có 6 loài (chiếm 5,66%), các họ cùng có 4 loài (chiếm 3,77%) gồm họ Cắt, Cu cu, Bồ câu, Trâu, Sáo và Gõ kiến. Các họ còn lại có số lượng loài ít chỉ có từ 1 đến 3 loài. Đặc biệt, 4 họ: họ Diệc, họ Rẻ, họ Gà nước và họ Bói cá chiếm đến 41 loài, điều này cho thấy chim nước ở Cà Mau chiếm ưu thế (Bảng 3).

Bảng 3

Cấu trúc thành phần loài chim ở Cà Mau

TT	TÊN KHOA HỌC	TÊN ĐỊA PHƯƠNG	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Ardeidae	Họ Diệc	15	14,15
2	Scolopacidae	Họ Rẻ	13	12,26
3	Rallidae	Họ Gà nước	7	6,60
4	Alcedinidae	Họ Bói cá	6	5,66
5	Falconidae	Họ Cắt	4	3,77

6	Cuculidae	Họ Cu cu	4	3,77
7	Columbidae	Họ Bò câu	4	3,77
8	Meropidae	Họ Trâu	4	3,77
9	Sturnidae	Họ Sáo	4	3,77
10	Picidae	Họ Gõ kiến	4	3,77
11	Motacillidae	Họ Chia vôi	3	2,83
12	Nectariniidae	Họ Hút mật	3	2,83
13	Phalacrocoracidae	Họ Cốc	2	1,89
14	Ciconiidae	Họ Hạc	2	1,89
15	Anatidae	Họ Vịt	2	1,89
16	Jacanidae	Họ Gà lồi nước	2	1,89
17	Ploceidae	Họ Sẻ	2	1,89
18	Passeridae	Họ Sẻ nhà	2	1,89
19	Corvidae	Họ Quạ	2	1,89
20	Stringidae	Họ Cú mèo	2	1,89
21	Hirundinidae	Họ Nhạn	2	1,89
22	Rhipiduridae	Họ Rẽ quạt	2	1,89
23	Campephagidae	Họ Phường chèo	2	1,89
24	Timaliidae	Họ Khướu	2	1,89
25	Dicaeidae	Họ Chim sâu	2	1,89
26	Pelecanidae	Họ Bò nông	1	0,94
27	Anhingidae	Họ Cổ rắn	1	0,94
28	Threskiornithidae	Họ Cò quăm	1	0,94
29	Recurvirostridae	Họ Cà kheo	1	0,94
30	Vanellidae	Họ Te te	1	0,94
31	Tytonidae	Họ Cú lợn	1	0,94
32	Caprimulgidae	Họ Cú muỗi	1	0,94
33	Dicruridae	Họ Chèo bẻo	1	0,94
34	Cisticolidae	Họ Chiền chiện	1	0,94
Tổng số loài			106	

2. Các loài chim có giá trị bảo tồn

Có 10 loài chim thuộc 8 họ trong số 106 loài, 34 họ khảo sát được có giá trị bảo tồn (chiếm 9,43% tổng số loài ghi nhận được) cấp quốc gia và quốc tế (Bảng 4).

Bảng 4

Danh sách các loài chim Cà Mau cần được bảo tồn ở Cà Mau

TT	TÊN KHOA HỌC	TÊN ĐỊA PHƯƠNG	IUCN 2012	Sách Đỏ VN 2007	NĐ 32
	1. Pelecanidae	Họ Bò Nông			
1	<i>Pelecanus phillipensis</i> Gmelin, 1789	Bò nông chân xám	NT	R	
	2. Anhingidae	Họ Cổ Rắn			
2	<i>Anhinga melanogaster</i> Pennant, 1769	Điêng điêng (Cổ rắn)	NT	Vu	
	3. Ciconiidae	Họ Hạc			

3	<i>Mycteria leucocephalus</i> Pennant, 1769	Cò lạo Ấn Độ - Giang sen	NT	Vu	
4	<i>Leptoptilos javanicus</i> Horsfield, 1821	Già đầy java	Vu	R	IB
	4. Threskiornithidae	Họ Cò Quăm			
5	<i>Threskiornis melanocephalus</i> Latham, 1790	Quăm đầu đen	NT	Vu	
	5. Falconidae	Họ Cắt			
6	<i>Spilornis cheela</i> Latham, 1790	Điều hoa			IIB
	6. Scolopacidae	Họ Rẽ			
7	<i>Limosa limosa</i> Linnaeus, 1758	Choắt mỏ thẳng đuôi đen	NT		
	7. Alcedinidae	Họ Bói Cá			
8	<i>Pelargopsis capensis</i> Linnaeus, 1766	Sả mỏ rộng	LC	T	
9	<i>Halcyon coromando coromando</i> Latham, 1790	Sả hung		R	
	8. Tytonidae	Họ Cú Lợn			
10	<i>Tyto longimembris</i> Jerdon, 1839	Cú lợn lưng nâu			IIB

Ghi chú: R (rare): Hiếm; Vu (Vulnerable): sẽ nguy cấp; NT (Near Threatened): sắp bị đe dọa; T (Threatened): bị đe dọa; LC (Least Concern): ít quan tâm; IB: Động vật rừng nghiêm cấm khai thác; IIB: Động vật rừng hạn chế khai thác.

III. KẾT LUẬN

Kết quả điều tra thành phần loài chim tại 18 vườn chim, 2 VQG và vùng bãi triều của Cà Mau đã ghi nhận được 106 loài thuộc 34 họ. Trong đó có 4 họ đa dạng về loài là: Họ Diệc, họ Rẽ, họ Gà nước và họ Bói cá.

Trong số các loài chim ghi nhận, có 10 loài thuộc 8 họ có giá trị bảo tồn cấp quốc gia và quốc tế.

Lời cảm ơn: Xin chân thành cảm ơn ông Lý Văn Nhạn – Phó trưởng BQL Khu Dự trữ Sinh quyển Mũi Cà Mau đã cùng tôi thực hiện khảo sát loài chim tại các vườn chim và VQG cũng như vùng bãi triều. Chân thành cảm ơn các chủ vườn chim đã hỗ trợ chúng tôi hoàn thành công trình này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bibby C. J.**, 2000. *Bird census techniques*. Elsevier. 303 trang.
2. **Hoàng Cương**, 1993. Báo cáo đề tài Nghiên cứu khảo sát hiện trạng và đề xuất các biện pháp bảo vệ, nâng cấp và phát huy tác dụng của các sân chim ở Minh Hải.
3. **Nguyễn Cừ, Lê Trọng Trải, Karen Phillipps**, 2000. *Chim Việt Nam*. Nxb. Lao động – Xã hội, Hà Nội, 250 trang.
4. **Lê Mạnh Hùng**, 2012. *Giới thiệu một số loài chim Việt Nam*. Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 585 trang.
5. **Võ Quý, Nguyễn Cừ**, 1975. *Chim Việt Nam – Hình thái và phân loại (tập 1)*. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 651 trang.
6. **Võ Quý, Nguyễn Cừ**, 1981. *Chim Việt Nam – Hình thái và phân loại (tập 2)*. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 396 trang.

7. **Đặng Trung Tấn**, 1998. Báo cáo đề tài *Các sân chim tỉnh Cà Mau*.
8. **Lê Thông và cs.**, 2006. *Địa lí các tỉnh và thành phố Việt Nam* (Tập 6: Các tỉnh và thành phố Đồng bằng sông Cửu Long), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 576 trang.
9. **Lê Đình Thủy và cs.**, 2007. *Kết quả nghiên cứu thành phần loài chim ở Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, tỉnh Cà Mau*. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, KHTN&CN tập 23(2S): 293-299.

DIVERSITY OF BIRD SPECIES IN CA MAU PROVINCE

Tran Thanh Lam

SUMMARY

Ca Mau is one of two provinces in Vietnam which has both of World Biosphere Reserve (recognized in 2009) and Ramsar area (recognized in 2012). In addition, Ca Mau has a 254 km coastline, which is favorable for birds, especially water birds. During the period from March to December 2016, 18 bird gardens, 2 National Parks and intertidal areas were surveyed. A total of 106 species belong to 34 families were recorded. Among them, four families (Ardeidae, Scolopacidae, Rallidae, Alcedinidae) have higher diversity of species than other families.